

BẢN TIN HÀNG NGÀY

13 Tháng 01 2026

Nhóm dầu khí tăng trần hàng loạt, Vn-Index vượt 1,900 điểm

- Vn-Index tăng mỗi lúc 1 cao hơn trong suốt cả ngày, và đóng cửa tăng 25.6 điểm, chính thức vượt 1,900 điểm
- Hầu hết cổ phiếu dầu khí đều tăng trần như PVS PVD PVT GAS PLX BSR
- 4 cổ phiếu VinGroup đều tăng điểm, đóng góp 11.5 điểm vào Vn-Index
- Nhiều cổ phiếu nhà nước khác tăng mạnh như VCB BID GVR NT2 BVH
- Ngoài ra, nhóm cổ phiếu liên quan đến VIX như VIX EIB VSC HAH GEX GEE cũng đều tăng trần hoặc tăng rất mạnh
- 1 số nhóm tăng nhẹ như chứng khoán, bất động sản, khu công nghiệp; và 1 số nhóm giảm nhẹ như ngân hàng (không gồm VCB BID), bán lẻ, thép
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 2.2% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

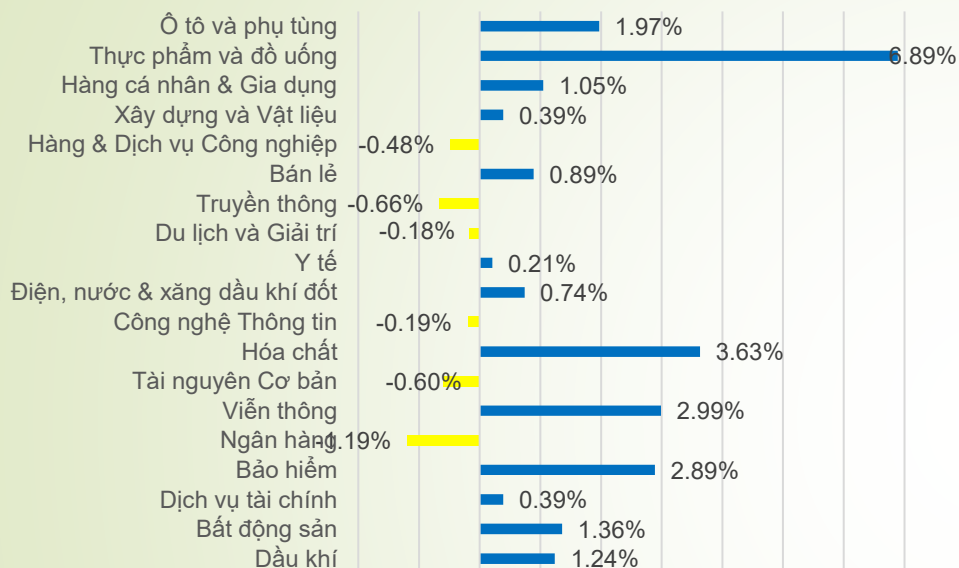


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,902.9	252.9	123.4
(+/-)	25.6	0.97	0.79
(%)	1.36%	0.39%	0.64%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	1,281	100	74
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	39,298	1,605	1,085
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(433)	(46)	1
Số mã tăng	203	72	130
Số mã giảm	131	81	110
Số mã giá không đổi	39	61	88

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	24.26	1.61
2	Nguyên vật liệu	16.13	1.63
3	Công nghiệp	12.80	2.04
4	Hàng Tiêu dùng	17.05	2.56
5	Dược phẩm và Y tế	18.11	1.72
6	Dịch vụ Tiêu dùng	25.80	4.30
7	Viễn thông	28.44	7.24
8	Tiện ích Cộng đồng	16.26	2.06
9	Tài chính	27.07	2.92
10	Ngân hàng	11.25	1.82
11	Công nghệ Thông tin	18.53	3.79

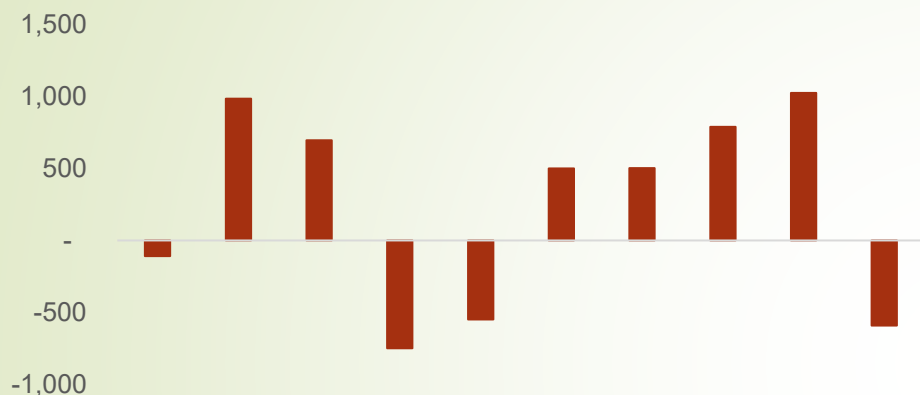
- Thị trường tiếp tục bùng nổ tích cực, với thanh khoản tăng cao, động lực tăng chủ yếu đến từ nhóm dầu khí, Vingroup và các cổ phiếu sở hữu nhà nước như VCB BID GVR NT2...
- Nhìn chung, các cổ phiếu nhà nước hiện vẫn đang tăng 1 mạch liên tiếp trong 5-6 phiên qua và chưa có dấu hiệu điều chỉnh
- Thị trường về cơ bản vẫn tốt, và trong những ngày trước thì chúng tôi đánh giá sóng quý 1 đã đánh giá sóng quý 1 đã chính thức bắt đầu, và kỳ vọng đỉnh sóng ở vùng 2,000 điểm
- Tuy vậy, nhiều cổ phiếu đã tăng dựng đứng 4-6 phiên liên tiếp như VCB BID GVR GAS..., nên việc tiếp tục mua vào ở vùng giá hiện tại sẽ có rủi ro ngắn hạn lớn hơn. Nhà đầu tư hạn chế mua đuổi.
- Nhà đầu tư vẫn canh mua khi thị trường điều chỉnh. Các nhóm ngành yêu thích hiện nay là: ngân hàng, chứng khoán, thép, và nhóm cổ phiếu nhà nước. Đỉnh sóng hiện tại được kỳ vọng ở vùng 2,000 điểm

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
EIB	6.82%	NLG	3.17%	VIX	6.78%	SAB	6.81%	CTD	2.80%	DHC	2.95%	GAS	6.91%	GVR	5.59%
BID	3.55%	VHM	2.92%	HCM	5.59%	ANV	5.56%	VGC	1.97%	PTB	2.58%	NT2	6.15%	DPR	1.34%
VCB	1.79%	VRE	2.91%	EVF	1.74%	VHC	3.17%	VCG	1.78%	NKG	-0.32%	BWE	4.10%	PHR	1.11%
VPB	0.99%	KDH	2.74%	DSC	1.00%	BHN	1.86%	CII	1.33%	ACG	-0.55%	TDM	4.00%	DCM	0.99%
HDB	0.89%	VIC	2.57%	SSI	0.92%	ASM	1.69%	BMP	0.63%	HSG	-0.61%	POW	3.18%	CSV	0.87%
STB	0.56%	SZC	2.43%	DSE	0.81%	HAG	1.17%	PC1	0.21%	HPG	-0.91%	PPC	1.91%	DPM	0.41%
OCB	0.41%	QCG	2.17%	VND	0.73%	VNM	0.96%	HTI	-0.21%			GEG	1.71%	VFG	0.19%
VIB	0.00%	HDC	0.92%	CTS	0.58%	MSN	0.89%	HHV	-0.39%			REE	0.98%	AAA	-0.87%
SSB	-0.28%	TCH	0.92%	AGR	0.28%	DBC	0.73%	CTR	-1.56%			PGV	0.95%	DGC	-0.94%
MSB	-0.39%	DIG	0.90%	TVS	0.00%	FMC	0.41%					HNA	0.93%		
CTG	-0.48%	DXG	0.62%	BSI	0.00%	PAN	0.36%					PGD	0.62%		
LPB	-1.18%	HDG	0.56%	BCG	0.00%	KDC	-0.20%					TMP	0.17%		
NAB	-1.32%	PDR	0.56%	VDS	-0.29%	MCM	-0.55%					SHP	0.00%		
TPB	-1.65%	DXS	0.00%	VCI	-0.56%	BAF	-0.66%					VSH	-0.23%		
TCB	-1.71%	SIP	-0.18%	FTS	-1.59%	SBT	-1.44%					CHP	-0.34%		
SHB	-1.76%	SJS	-0.35%			VCF	-5.69%								
MBB	-2.30%	NVL	-0.39%												
ACB	-2.35%	IJC	-0.45%												
		CRE	-0.60%												
		KOS	-0.77%												
		KBC	-0.97%												
		BCM	-2.00%												
		VPI	-2.88%												

Giao dịch khối ngoại

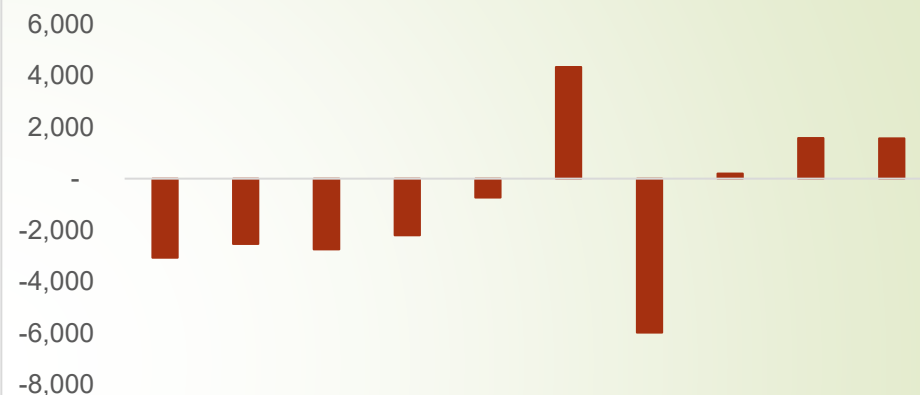
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	VCB	HOSE	676.82	169.41	507.41
2	VPB	HOSE	356.06	154.97	201.09
3	BID	HOSE	249.17	84.50	164.67
4	VIX	HOSE	184.27	50.72	133.55
5	BSR	HOSE	104.36	32.50	71.87
6	MBB	HOSE	125.37	74.56	50.81
7	HCM	HOSE	53.11	9.96	43.16
8	GEX	HOSE	111.54	82.03	29.52
9	VIC	HOSE	344.77	322.25	22.53
10	PLX	HOSE	56.05	33.78	22.27
11	CTD	HOSE	19.70	0.87	18.84
12	DIG	HOSE	25.06	7.55	17.52
13	TCB	HOSE	57.22	41.47	15.75
14	PVD	HOSE	28.69	15.93	12.76
15	NLG	HOSE	16.32	5.36	10.96

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	GMD	HOSE	8.45	260.76	- 252.31
2	SHB	HOSE	37.50	222.25	- 184.75
3	VRE	HOSE	31.22	168.16	- 136.94
4	ACB	HOSE	41.41	175.68	- 134.27
5	STB	HOSE	40.27	145.18	- 104.91
6	MSN	HOSE	86.79	178.69	- 91.90
7	VHM	HOSE	349.29	435.68	- 86.39
8	DGC	HOSE	17.58	85.74	- 68.16
9	BCM	HOSE	7.96	69.45	- 61.49
10	ACV	UPCoM	6.94	67.58	- 60.64
11	VCI	HOSE	18.86	77.32	- 58.46
12	MBS	HNX	0.09	57.19	- 57.11
13	LPB	HOSE	3.32	55.72	- 52.40
14	SSI	HOSE	43.15	88.55	- 45.40
15	PNJ	HOSE	9.27	47.68	- 38.41

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	64.28	1.48%	4.08%	5.64%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	59.70	1.29%	2.37%	3.97%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,597.80	2.39%	3.63%	6.29%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,129	0.00%	0.03%	0.03%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,385	0.00%	0.03%	0.03%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,650	-0.74%	-1.30%	-0.63%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	3.08%	-0.55%	3.08%	1.31%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.15%	-0.03%	3.15%	3.15%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.27%	0.00%	3.27%	3.27%

Ông Trump tuyên bố đánh thuế 25% với các quốc gia làm ăn với Iran, 3 nước châu Á vào 'tầm ngắm'

Theo Trading Economics, các đối tác thương mại lớn của Iran gồm một số quốc gia như Trung Quốc, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), Thổ Nhĩ Kỳ và Iraq.

Ngân hàng Nhà nước không siết cho vay bất động sản năm 2026

Ngân hàng Nhà nước không có biện pháp hạn chế cho vay bất động sản mà chỉ yêu cầu các tổ chức tín dụng kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng trưởng tín dụng đối với lĩnh vực này, nhằm hướng dòng vốn ưu tiên vào sản xuất kinh doanh, các ngành ưu tiên, đồng thời đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng.

Chuyên gia: Dự báo lạm phát 2026 quanh 3,5%, nhưng cần thận trọng trước áp lực

Lạm phát năm 2026 được dự báo cao hơn năm trước nhưng không đột biến. Tuy nhiên, các yếu tố tiền tệ, tăng trưởng và tỷ giá đang đặt ra yêu cầu thận trọng hơn trong phối hợp chính sách nhằm vừa hỗ trợ tăng trưởng, vừa giữ ổn định kinh tế vĩ mô.

Bản tin doanh nghiệp



Vint

Một ngân hàng mục tiêu tăng tín dụng 17%, lãi hơn 7.000 tỷ trong năm 2026

Năm 2026, Ngân hàng SeABank đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 7.068 tỷ đồng, tăng trưởng tín dụng đạt 17%.



Viglacera báo lãi trước thuế 2.140 tỷ, tăng 31% yoy

Như vậy, LNTT quý 4 ước đạt 818 tỷ, tăng trưởng 12.6% yoy. Trong năm 2025, Viglacera tiếp tục đẩy mạnh mảng BĐS khu công nghiệp với việc liên tiếp khởi công nhiều KCN mới, gồm KCN Sông Công II – giai đoạn 2 (Thái Nguyên), KCN Dốc Đá Trắng (Khánh Hòa) và KCN Trấn Yên giai đoạn 1 (Lào Cai).



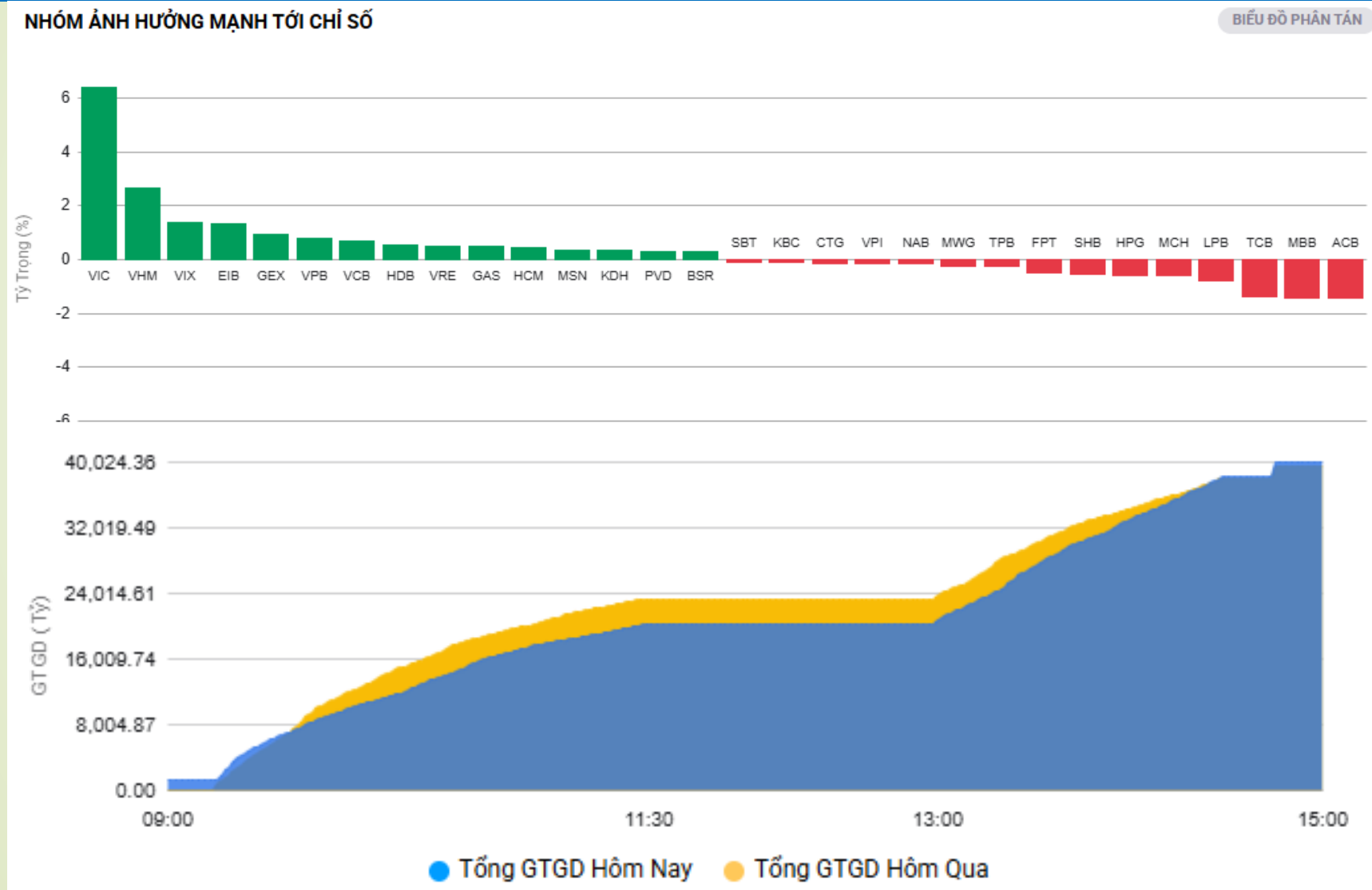
Sóng lớn từ nhóm cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước, HCM ôm danh mục tự doanh 'khủng' gần 16.000 tỷ đồng với VCB, CTG, GAS...

Theo dữ liệu quý III/2025, HCM đang sở hữu danh mục tự doanh quy mô lớn, lên tới gần 15.900 tỷ đồng. Trong đó, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) có giá gốc hơn 6.300 tỷ đồng với việc nắm giữ các mã như VCB (188 tỷ đồng), CTG (459 tỷ đồng), BID (444 tỷ đồng), MBB (235 tỷ đồng), MWG (385 tỷ đồng), GAS (185 tỷ đồng), VIC (363 tỷ đồng), VHM (205 tỷ đồng).

Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
SGS	14/01/2026	03/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	67.50%	6,750
CMG	14/01/2026	14/01/2026	Phát hành cổ phiếu	10%	
ABB	14/01/2026	14/01/2026	Phát hành cổ phiếu	100:30	10,000
NTF	14/01/2026	14/01/2026	Phát hành cổ phiếu	100:150	10,000
ACL	15/01/2026	28/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
HPP	15/01/2026	05/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
IDP	15/01/2026	28/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
SD5	16/01/2026	03/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.00%	800
MT7	19/01/2026	04/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12.00%	1,200
HNP	21/01/2026	02/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.00%	800
NBT	21/01/2026	09/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
DAD	22/01/2026	05/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
CTX	22/01/2026	22/01/2026	Phát hành cổ phiếu	27.24717%	
PHN	23/01/2026	06/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
VC7	23/01/2026	06/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
VGT	03/02/2026	06/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3.00%	300

Số liệu thị trường



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (13/01/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/05/2024	20/08/2025	19,800	27,300	30,500	-10.5%	Link	Link
TPB	01/07/2024	24/12/2025	17,350	19,405	17,900	8.4%	Link	Link
TCB	12/08/2024	07/01/2026	21,250	40,300	37,350	7.9%	Link	Link
MBB	29/08/2024	26/12/2025	24,850	26,907	27,550	-2.3%	Link	Link
ACB	23/09/2024	23/12/2025	25,650	30,650	24,900	23.1%	Link	Link
HDB	15/10/2024	28/08/2025	27,150	27,220	28,450	-4.3%	Link	Link
CTG	28/11/2024	24/09/2025	35,150	35,020	41,300	-15.2%	Link	Link
VCB	24/02/2025	31/12/2025	93,100	64,040	74,000	-13.5%	Link	Link
BID	20/03/2025	05/01/2026	39,800	43,088	51,000	-15.5%	Link	Link
HPG	13/01/2025	08/08/2025	25,900	30,710	27,250	12.7%	Link	Link
HSG	14/02/2025	07/08/2025	16,650	17,700	16,200	9.3%	Link	Link
NKG	07/03/2025	17/11/2025	16,100	17,580	15,500	13.4%	Link	Link
NLG	30/09/2024	13/11/2025	41,550	45,000	30,950	45.4%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	33,300	42,000	30,000	40.0%	Link	Link
DXG	15/11/2024	15/08/2025	16,150	20,800	16,200	28.4%	Link	Link
DXS	15/01/2025	15/08/2025	6,500	12,000	8,400	42.9%	Link	Link
KBC	22/01/2025	27/11/2025	28,950	40,500	35,850	13.0%	Link	Link
VRE	21/03/2025	28/08/2025	18,450	30,000	33,550	-10.6%	Link	Link
HAH	31/03/2025	10/12/2025	52,800	69,420	58,300	19.1%	Link	Link
VHM	29/04/2025	10/09/2025	58,400	87,200	134,000	-34.9%	Link	Link
STB	14/05/2025	18/09/2025	40,000	50,500	54,100	-6.7%	Link	Link
GMD	27/05/2025	24/11/2025	59,500	73,340	62,900	16.6%	Link	Link
HDC	05/06/2025		26,000	26,964	21,900	23.1%	Link	Link
VSC	18/06/2025	20/08/2025	16,550	25,140	21,950	14.5%	Link	Link
PDR	30/06/2025		18,050	18,704	18,000	3.9%	Link	Link
PVT	17/07/2025	02/12/2025	18,100	21,870	21,050	3.9%	Link	Link
BCM	04/08/2025		71,000	83,000	68,600	21.0%	Link	Link
VCG	29/08/2025	16/12/2025	25,550	26,800	22,900	17.0%	Link	Link
CTD	24/09/2025	29/12/2025	81,900	89,000	77,100	15.4%	Link	Link

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.